

Soạn giải bài A closer look 2 Unit 10 Lớp 7 trang 41, 42 đầy đủ, dễ hiểu và hay nhất được chúng tôi giới thiệu nhằm giúp các em học sinh chủ động đọc hiểu và chuẩn bị tốt bài học trước khi đến lớp.

Soạn Unit 10 lớp 7 A closer look 2 SGK trang 41, 42 sách mới

1. Complete the sentences using the future continuous form of the verbs in brackets.

(Hoàn thành câu sử dụng thì tương lai tiếp diễn của động từ trong ngoặc.)

1. will be putting.
2. will be taking.
3. will be installing.
4. will be spending.
5. will be using.

Hướng dẫn dịch

1. Vào thứ Bảy, họ đặt những tấm pin mặt trời lên mái nhà của chúng tôi để lấy năng lượng.
2. Lúc 9 giờ thứ Hai, chúng tôi sẽ thực hiện một bài kiểm tra về các nguồn năng lượng.
3. Lúc này vào tuần tới, cha tôi sẽ lắp kính mới vào cửa sổ để ngăn nhiệt thoát ra ngoài.
4. Khoảng năm 2020, những người ở Việt Nam sẽ dành nhiều tiền để sưởi ấm.
5. Khoảng giữa thế kỷ 21, người ở những quốc gia phát triển sẽ sử dụng năng lượng từ mặt trời, gió, và nước.

2. Write what these students will be doing tomorrow afternoon.

(Viết những điều mà những học sinh này sẽ đang làm vào chiều ngày mai.)

1. Jenny will be giving a talk about saving energy.
2. Helen will be putting solar panels in the playground.
3. Susan will be checking cracks in the water pipes.
4. Jake will be putting low energy light bulbs in the classrooms.

5. Kate will be showing a film on types of renewable energy sources.

3. Complete the conversation with the verbs in brackets. Use either the future simple or the future continuous tense.

(Hoàn thành bài hội thoại với các động từ trong ngoặc Sử dụng thì tương lai đơn hoặc thì tương lai tiếp diễn.)

1. will watch

2. Will we put

3. will be having

4. will... travel

5. will walk or cycle

6. will be cycling

7. will be going

Hướng dẫn dịch

Tom: Chúng ta sẽ làm gì để tiết kiệm điện vậy ba?

Ba Tom: Đầu tiên, chúng ta sẽ xem ti vi ít hơn.

Tom: Chúng ta sẽ đặt những tấm pin mặt trời trên mái nhà để làm nóng nước phải không?

Ba Tom: Đúng thế, và lúc này vào tuần tới, chúng ta sẽ có vòi sen mặt trời miễn phí.

Tom: Còn về giao thông thì sao? Con muốn nói là chúng ta sẽ đi đến trường và chỗ làm bằng cách nào?

Ba Tom: À, chúng ta không sử dụng xe hơi. Chúng ta sẽ đi bộ hoặc đạp xe để giảm ô nhiễm không khí.

Tom: Vậy thì lúc 7 giờ ngày mai, ba sẽ đạp xe đến chỗ làm, và con sẽ đi đến trường bằng ván trượt.

Ba Tom: Ý kiến hay!

4. Work in pairs. Tell your partner what you will be doing at the following points of time in the future.

(Làm việc theo nhóm. Kể cho bạn của bạn điều bạn sẽ đang làm vào các thời điểm sau trong tương lai.)

This time tomorrow (thời điểm này ngày mai)

I will be learning English this time tomorrow. (Tôi sẽ đang học tiếng Anh vào thời điểm này ngày mai.)

Or (Hoặc là)

This time tomorrow I will be learning English. (Vào thời điểm này ngày mai tôi sẽ đang học tiếng Anh.)

Suggested answers (Câu trả lời gợi ý)

1. I will be playing football tomorrow afternoon.
2. We will be learning English this weekend.
3. This time next week I will be visiting New York.
4. When you are fifteen years old, you will be studying in the USA.

5. Complete the magazine article with the passive form of the verbs below.

(Hoàn thành bài tạp chí với dạng bị động của các động từ sau.)

1. be provided.
2. be used.
3. be placed.
4. be stored.
5. be solved.

Hướng dẫn dịch

Chúng tôi đang tìm kiếm những nguồn năng lượng rẻ, sạch và hiệu quả. Các loại năng lượng này sẽ không gây ô nhiễm hay lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Năng lượng mặt trời là một trong

những nguồn năng lượng này. Nó sẽ được cung cấp không giới hạn bởi mặt trời. Một phần trăm của năng lượng mặt trời tới Trái Đất sẽ đủ để cung cấp điện cho toàn bộ dân số thế giới. Năng lượng mặt trời sẽ được sử dụng bởi nhiều quốc gia trên thế giới. Những tấm pin mặt trời sẽ được đặt trên mái nhà và các tòa nhà khác và năng lượng mặt trời sẽ được sử dụng để làm nóng nước. Năng lượng sẽ được lưu trữ để dùng lâu dài. Chúng tôi hy vọng rằng bằng việc sử dụng năng lượng mặt trời, vấn đề thiếu năng lượng sẽ được giải quyết.

6. Change the sentences into the passive voice.

(Chuyển các câu sau sang dạng bị động.)

1. Waves will be used as an environmentally friendly energy source.
2. A network of wind turbines will be installed to generate electricity.
3. In countryside, plants will be burnt to produce heat.
4. Energy consumption will be reduced as much as possible.
5. Alternative sources of energy will be developed.
6. Solar energy will be used to solve problem of energy shortage.

7. Look at the pictures. Write what will be done in the future.

(Nhìn vào tranh. Viết những điều sẽ được thực hiện trong tương lai.)

1. People will set up a hydro power station in this region in the future. (Mọi người sẽ xây dựng một nhà máy thủy điện ở vùng này trong tương lai.)
2. They will install a lot of solar panels to heat the water. (Họ sẽ xây dựng nhiều tấm năng lượng mặt trời để đun nóng nước.)
3. Wind turbines will be installed and used very much in the future. (Chong chóng gió sẽ được lắp đặt và sử dụng nhiều trong tương lai.)
4. Bicycles will be used to move in the city to reduce pollution. (Xe đạp sẽ được sử dụng trong việc di chuyển trong thành phố để làm giảm ô nhiễm môi trường.)